

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/10/2012)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: .../ĐKGD do..... cấp ngày... tháng... năm...)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1 - Công ty Cổ phần Xây dựng số 11:

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04 37847983 Fax: 04 37688820

Website: www.vinaconex11.com.vn

2 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội:

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại: 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 04. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Số 141-143 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Đặng Văn Hiếu**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04 3784 7983 - Fax: 04 3768 8820

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/10/2012)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
Mã chứng khoán	V11
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng đăng ký giao dịch:	8.399.889 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch:	83.998.890.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: 04 62853101 Fax: 04 62853100

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 04. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Số 141-143 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	5
3. Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực xây dựng.....	5
4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu.....	6
5. Rủi ro về tỷ giá.....	6
6. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
1. Tổ chức đăng ký giao dịch	6
2. Tổ chức tư vấn	6
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NHÓM TỪ VIẾT TẮT	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	8
1.2. Giới thiệu về Công ty.....	7
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	14
5. Danh sách Công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.	14
6. Hoạt động kinh doanh	15
6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính	15
6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	18
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012.....	18
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	20
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	21
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	21
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	21
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.	22
9. Chính sách đối với người lao động.....	23
9.1. Tình hình lao động	23
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	23

10. Chính sách cổ tức.....	24
11. Tình hình hoạt động tài chính	25
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	25
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	29
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	30
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	30
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	35
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	39
12.4. Kế toán trưởng – Trần Minh Toán.....	42
13. Tài sản.....	43
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	44
14.1. Chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức năm 2012.....	44
14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận cổ tức	44
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	45
16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	45
V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	45
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	45
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	45
3. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 8.399.889 cổ phiếu	45
4. Phương pháp tính giá.....	45
5. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	46
6. Các loại thuế liên quan	47
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	47
1. Tổ chức tư vấn	47
2. Tổ chức kiểm toán	48
VII. PHỤ LỤC.....	48

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Sự tăng trưởng hoặc giảm sút của tốc độ phát triển kinh tế sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự tăng giảm của thị trường xây dựng từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty.

Trong hai năm 2010-2011 dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp: lạm phát, lãi suất tăng cao, tỷ giá biến động... đã làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm. Chính phủ đã tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn chặn suy giảm kinh tế và nhất là các biện pháp ổn định thị trường tài chính. Dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 khoảng 5,2 – 5,8%. Mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ đã bước đầu đạt được. Tốc độ tăng CPI, có xu hướng giảm từ tháng 7/2011 và đã liên tục giảm khá trong 6 tháng qua, đến tháng 6 thì chỉ ở mức âm 0,26% và tính theo năm chỉ còn 6,9% so với cùng kỳ năm trước, thấp chưa bằng một phần ba mức đỉnh điểm vào tháng 8/2011.

Với những chính sách quyết liệt của Chính phủ cùng với những dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, có thể nói rủi ro về kinh tế trong thời gian tới là không cao đối với Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn bảo đảm theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

3. Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực xây dựng

Đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hiện tượng chiếm dụng vốn lẫn nhau giữa nhà thầu và chủ đầu tư, nhà thầu và các nhà cung ứng vật liệu diễn ra rất phổ biến. Việc chiếm dụng vốn có thể đem lại những lợi ích nhất định cho các nhà thầu xây lắp, tuy nhiên khi quá trình nghiệm thu quyết toán, giải ngân vốn đầu tư cần nhiều thời gian thì tiềm ẩn nhiều rủi ro về khả năng thanh toán của nhà thầu.

Các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán công trình trong xây dựng đặc biệt là các công trình hạ tầng cơ sở sử dụng nguồn vốn ngân sách là nguyên nhân có sự chênh lệch đáng kể giữa chỉ tiêu sản lượng thực hiện và doanh thu của các đơn vị xây lắp. Khi khoảng cách giữa sản lượng thực hiện và doanh thu càng lớn cho thấy khả năng thanh quyết toán công trình là không cao, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả sử dụng vốn.

Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm, quá

trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây dựng nói chung và Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 nói riêng, đặc biệt là các khoản nợ phải thu.

4. **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu**

Trong hoạt động thi công xây lắp, chi phí vật liệu xây dựng thường chiếm trên 80% chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong thời gian vừa qua nhiều hợp đồng xây dựng được ký với giá cố định trên cơ sở kết quả đấu thầu cạnh tranh thì việc tăng giá vật liệu xây dựng sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng để ký hợp đồng thi công xây lắp với điều khoản điều chỉnh về giá tuy nhiên trên thực tế thời gian, thủ tục để được bù giá khi giá vật liệu xây dựng tăng cao thường khá lâu, ảnh hưởng lớn tới nguồn vốn lưu động của công ty.

5. **Rủi ro về tỷ giá**

Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả leo thang, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng như xi măng, sắt, thép... làm giá thành công trình cao, dẫn đến khó khăn chung cho ngành xây dựng cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Trong lĩnh vực xây dựng, nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối cao, nhiều loại nguyên vật liệu là hàng nhập khẩu do vậy cũng làm cho hoạt động của Công ty phần nào chịu ảnh hưởng của biến động giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác.

6. **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. **Tổ chức đăng ký giao dịch**

Ông Hoàng Hợp Thương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Văn Hiếu	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Toàn	Chức vụ: Phụ trách kế toán
Ông Đặng Thanh Huấn	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. **Tổ chức tư vấn**

Đại diện tổ chức tư vấn: Ông **Vũ Đức Tiến**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

(Theo Giấy ủy quyền số 27/2012/UQ-TGD ngày 10/07/2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng số 11. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NHÓM TỪ VIẾT TẮT

- Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- VINACONEX 11 Tên tắt của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TSCĐ Tài sản cố định
- Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Điều lệ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- TC - ĐL - CL Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng
- TCVN Tiêu chuẩn Việt Nam
- QLCL Quản lý chất lượng
- TN - KCS Thí nghiệm - Kiểm tra chất lượng sản phẩm

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Construction Joint Stock Company N^o11
- Tên viết tắt: VINACONEX 11
- Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng chẵn*)
- Vốn điều lệ thực góp: 83.998.890.000 (*Tám mươi ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*)
- Trụ sở chính: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 04 3784 7983
- Fax: 04 3768 8820
- E-mail: vc11@vnn.vn

- Website www.vinaconex11.com.vn
- Logo của Công ty:



- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0103034626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/10/2012.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, buro chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500 KVA;
 - Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
 - Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;
 - Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
 - Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất cấu kiện bê tông xây dựng, lắp đặt các loại máy móc thiết bị;
 - Trang trí nội, ngoại thất;
 - Kinh doanh bất động sản, xuất khẩu lao động;
 - Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 tiền thân là Xí nghiệp bê tông đúc sẵn Hải Hưng được thành lập theo quyết định số 23 QĐ/UB ngày 25 tháng 01 năm 1973 của UBND tỉnh Hải Hưng. Nhiệm vụ chủ yếu lúc đó là chuyên sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn để phục vụ thủy lợi hoá nông nghiệp tỉnh Hải Hưng với quy mô 10.000 m³/năm. Trải qua giai đoạn cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường tháng 12 năm 1984 Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn được đổi tên thành Nhà máy Bê tông đúc sẵn Hải Hưng, bước đầu áp dụng hình thức khoán doanh số. Năm 1985, nhà máy được xếp hạng doanh nghiệp hạng II, tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 21 tháng 4 năm 1990 nhà máy tổ chức sắp xếp lại lao động, xác định lại phương hướng sản xuất. Tháng 10 năm 1992, Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Hưng được đổi tên thành Nhà máy bê tông Hải Hưng với định hướng chiến lược những năm tiếp theo là sản xuất vật liệu xây dựng, liên doanh liên kết mở thêm ngành nghề xây lắp, ngày 12 tháng 3 năm 1996 UBND tỉnh Hải Hưng ra quyết định số 616 QĐ-UB đổi tên Nhà máy bê tông Hải Hưng thành Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng.

Ngày 23 tháng 10 năm 1996, Bộ trưởng Bộ xây dựng đã có quyết định số 925/QĐ- BXD tiếp nhận Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng thuộc UBND tỉnh Hải Hưng là doanh nghiệp thành viên Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - Vinaconex và đổi tên doanh nghiệp thành Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 - Vinaconex 11. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và tăng trưởng vốn, thực hiện tốt công tác chính trị xã hội, tạo công ăn việc làm cho

người lao động, đóng góp vào vốn ngân sách nhà nước.

Thực hiện văn bản số 682/BXD - TCLĐ ngày 09/5/2002 của Bộ Xây dựng thông báo các danh sách doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng tiến hành chuyển đổi hình thức sở hữu đợt 2 năm 2002, Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 đã triển khai từng bước thực hiện công tác cổ phần hoá. Đến ngày 24/12/2002, Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp và tháng 3/2003 được phê duyệt phương án cổ phần hoá.

Ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2003, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập chuyển Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 trực thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thành Công ty cổ phần xây dựng số 11 - Vinaconex 11. Với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính như xây lắp, sản xuất vật liệu... nay được mở rộng sang nhiều lĩnh vực kinh doanh khác tổng hợp đa ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm.

Ngày 15/12/2008, cổ phiếu V11 được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 20/07/2012, Công ty nhận quyết định hủy niêm yết cổ phiếu V11 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do đơn vị kiểm toán không thể đưa ra ý kiến nhận xét về BCTC riêng và hợp nhất năm 2011 theo Quyết định số 252/QĐ-SGDHN.

Ngày 17/08/2012, cổ phiếu V11 chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ ban đầu: 5.100.000.000 đồng.
- Lần 1: Năm 2004, tăng vốn điều lệ từ 5.100.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng.
- Lần 2: Năm 2006, tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng.
- Lần 3: Năm 2007, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng.
- Lần 4: Năm 2007, tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng.
- Lần 5: Năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 83.998.890.000 đồng. Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 708/UBCK-GCN ngày 18/10/2010, theo đó, Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, giá phát hành 11.500 đồng. Kết thúc đợt chào bán, giá trị cổ phiếu chào bán được tính theo mệnh giá là 33.998.890.000 đồng. Ngày 24/01/2011, Công ty đã thực hiện báo cáo UBCKNN về đợt phát hành.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 25/4/2008.

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xây dựng số 11:

- Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 04 3784 7983 Fax: 04 3768 8820

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Phòng Đấu thầu và quản lý dự án, Phòng

Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Đầu tư - Thị trường, Phòng Quản lý xe máy, thiết bị. Ngoài ra, Công ty còn thành lập các Chi nhánh, các Ban quản lý dự án, Ban chỉ huy công trình, các đội xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng.

➤ **Đội xây dựng số 1**

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ **Đội xây dựng số 2**

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ **Đội xây dựng số 3**

Địa chỉ: Số 960, Lê Thanh Nghị, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.896250

Fax: 03203.896241

➤ **Đội xây dựng số 4**

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ **Đội xây dựng số 5**

Địa chỉ: Số 960, Lê Thanh Nghị, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.894930

Fax: 03203.896241

➤ **Đội xây dựng số 6**

Địa chỉ: Số 960, Lê Thanh Nghị, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.861755

Fax: 03203.896241

➤ **Đội xây dựng số 7**

Địa chỉ: Số 960, Lê Thanh Nghị, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.896240

Fax: 03203.896241

➤ **Đội xây dựng số 8**

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ **Đội xây dựng số 9**

Địa chỉ: Số 960, Lê Thanh Nghị, Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.896240

Fax: 03203.896241

➤ Đội xây dựng số 10

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 03203.896240

Fax: 03203.896241

➤ Đội xây dựng số 11

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Đội xây dựng số 12

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 03203.896240

Fax: 03203.896241

➤ Chi nhánh công ty tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Đội thi công cơ giới 1

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Đội thi công cơ giới 2

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Đội điện nước 1

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Đội điện nước số 2

Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7847983

Fax: 04.7688820

➤ Trạm trộn Cửa Bắc

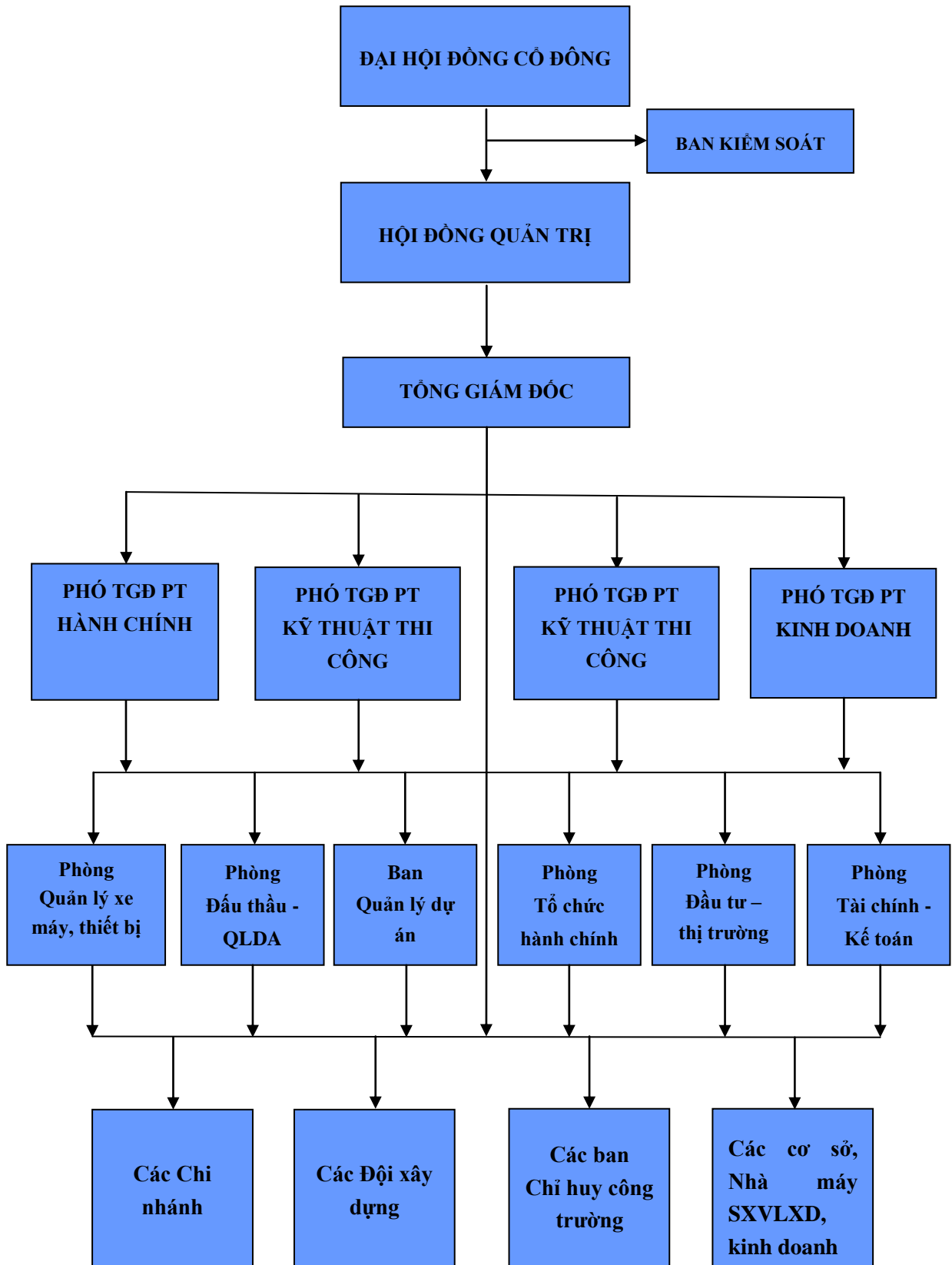
Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.7152646

Fax: 04.7152646

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 có 05 thành viên.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các phòng ban chức năng:

- | | |
|----------------------------------|------------------------------|
| - Ban Quản lý dự án | - Phòng Tổ chức – Hành chính |
| - Phòng Đấu thầu – Quản lý dự án | - Phòng Đầu tư – Thị trường |
| - Phòng Quản lý xe máy, thiết bị | - Phòng Tài chính – Kế toán |

Các đội xây dựng: gồm các đội trực thuộc Công ty

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

- *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại thời điểm 04/06/2012*

STT	Tên cổ đông	Giấy CNDKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.	0103014768	Toà nhà Vinaconex khu đô thị mới Trung Hoà Nhân Chính Hà Nội	2.550.000	30,36%
2	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	0102261441	Tầng 18 tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội	1.675.000	19,94%
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	0103001380	249, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	850.000	10,12%
Tổng cộng				5.075.000	60,42%

- *Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 04/06/2012*

Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	57.861.890.000	5.786.189	99,24%
* Cá nhân	31.631.010.000	3.163.101	37,66%
* Tổ chức	51.730.880.000	5.173.088	61,59%
II. Cổ đông ngoài nước	637.000.000	63.700	0,76%
* Cá nhân	637.000.000	63.700	0,76%
* Tổ chức	-	-	0,00%
Tổng	83.998.890.000	8.399.889	100%

Nguồn: Vinaconex 11

5. Danh sách Công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.

- Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch:

Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 11.1:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800619222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp ngày 21/04/2009

- Địa chỉ: số 960 Lê Thanh Nghị, phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: (0320) 3860602
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, giao thông, thủy lợi, văn hóa, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế đến 35KV; sản xuất cầu kiện bê tông; lắp đặt máy móc thiết bị; trang trí nội, ngoại thất công trình.
- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), Vinaconex 11 cam kết góp 51% vốn điều lệ.
- Vốn thực góp: 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng), trong đó Vinaconex 11 góp 40,04%. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của V11 tại CTCP Xây dựng Vinaconex số 11.1 là 69%.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 03 nhóm bao gồm: Hoạt động xây dựng; Hoạt động bán sản phẩm và hàng hóa; và Hoạt động cung cấp dịch vụ. Trong đó, hoạt động xây dựng vẫn là hoạt động truyền thống và đóng góp tới trên 95% tổng doanh thu của Công ty qua các năm.

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo từng mảng hoạt động của Vinaconex 11 năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 như sau:

- **Doanh thu của các mảng hoạt động**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010 - Hợp nhất		Năm 2011 - Hợp nhất	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa	3.838	1,31%	3.584	1,12%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.198	9,97%	2.772	0,87%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	259.699	88,71%	313.296	98,01%
Tổng cộng	292.735	100,0%	319.652	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, 2011 của Vinaconex 11

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010 - Công ty Mẹ		Năm 2011 - Công ty Mẹ		6 Tháng/2012 - Công ty Mẹ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa	1.016	0,55%	0	0,00%	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.128	15,84%	2.745	1,35%	2.371	8,59%

Doanh thu hợp đồng xây dựng	153.749	83,61%	200.066	98,65%	25.222	91,41%
Tổng cộng	183.892	100,0%	202.811	100,0%	27.593	100,0%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng/2012 của Vinaconex 11

• **Lợi nhuận gộp của các mảng hoạt động**

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2010 - Hợp nhất		Năm 2011 - Hợp nhất	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Bán sản phẩm và hàng hóa	269	7,00%	3.584	100,00%
Cung cấp dịch vụ	6.784	23,24%	(4.699)	-169,50%
Hợp đồng xây dựng	14.955	5,76%	10.058	3,21%
Tổng cộng	22.008	7,5%	8.944	2,80%

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2010- Công ty Mẹ		Năm 2011 - Công ty mẹ		6 Tháng/2012 - Công ty Mẹ	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Bán sản phẩm và hàng hóa	61	6,00%	-	-	-	-
Cung cấp dịch vụ	6.603	22,67%	(1.304)	- 47,50%	(512)	- 21,58%
Hợp đồng xây dựng	9.312	6,06%	9.406	4,70%	1.415	5,61%
Tổng cộng	15.976	8,69%	8.102	4,00%	903	3,27%

• **Hoạt động Xây dựng**

Xây lắp công trình là hoạt động chính của Vinaconex 11, doanh thu của hoạt động này luôn chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng doanh thu hàng năm của đơn vị. Doanh thu từ hoạt động xây lắp năm 2011 chiếm tới 98% doanh thu thuần năm 2011.

Các dịch vụ xây dựng của Vinaconex 11 bao gồm:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500 KVA;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;

Với kinh nghiệm lâu năm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, Công ty luôn được nhận các công trình xây lắp lớn, trọng điểm trên cả nước với các yêu cầu kỹ thuật và độ an toàn cao. Công ty đã thực hiện rất nhiều công trình lớn như: Công trình Nhà máy xi măng Cẩm Phả, dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt, Khu tái định cư Nam Trung Yên, đường cao tốc Láng-Hòa Lạc, nút giao thông vào Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Khu đô thị mới Trung Hòa-Nhân Chính, block quốc lộ 5A Hà Nội-Hải Phòng, thi công cầu vượt đường vào Công viên động vật hoang dã tại Láng-Hòa Lạc,

Trung tâm điều hành và thông tin viễn thông điện lực Việt Nam – EVN....

Vinaconex 11 cũng đã triển khai và thực hiện rất nhiều hạng mục công trình do Tổng Công ty Vinaconex làm chủ đầu tư hay chủ thầu như: Công trình Trụ sở làm việc Bộ công an với giá trị hợp đồng trên 70 tỷ đồng, Công trình Bảo tàng Hà Nội, Dự án No5 khu Trung Hòa - Nhân chính - Hà Nội, Công trình mở rộng và hoàn thiện đường Láng – Hoà Lạc, Nút giao thông seagames, cầu vượt Mỹ Trì, cầu vượt vào công viên động vật hoang dã, một số cầu chui, cầu dân sinh... trên đường Láng - Hoà Lạc, và các hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Nam Trung Yên, Đập phụ Dốc cáy và kênh dẫn dự án thủy điện Cửa Đạt – Thanh Hóa và một số công trình khác đang hoàn thiện để bàn giao.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, nền kinh tế Việt Nam có nhiều bất ổn, Chính phủ áp dụng nhiều biện pháp cắt giảm chi tiêu công, kiềm chế lạm phát, thắt chặt tín dụng ... đã ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực xây dựng cơ bản, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Công tác tìm kiếm việc làm mới khó khăn, tiếp cận nguồn vốn tín dụng để phục vụ thi công bị thu hẹp, công tác thanh quyết toán công trình chậm đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Một số hình ảnh về các công trình mà Công ty thi công



Nhà thi đấu thể thao Hải Dương



Các công trình thi công nhà cao tầng tại khu Trung Hòa Nhân Chính - Hà Nội



Liên đoàn lao động Tỉnh Hải Dương



Trụ sở huyện ủy Nam Sách - Hải Dương

- **Hoạt động bán thành phẩm và hàng hóa**

Doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm của Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động bán ống công bê tông ly tâm và bê tông thương phẩm.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh ống công bê tông ly tâm do Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 11.1 (Công ty con của Vinaconex 11) đảm nhận, Công ty đã làm bổ sung chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn ống công D300 và được phép sử dụng dấu chất lượng. Bên cạnh doanh thu từ bán ống công bê tông ly tâm, Công ty đã đầu tư 02 trạm trộn bê tông chủ yếu để phục vụ cho công trình Công ty thi công và cung cấp cho một số đơn vị bạn có nhu cầu. Tuy nhiên năm 2011 do khó khăn tìm vị trí đặt trạm bê tông nên cả năm 2011 trạm không hoạt động dẫn đến việc không đạt được kế hoạch đã đề ra.

- **Hoạt động kinh doanh từ cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ bao gồm cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu được phản ánh từ những hoạt động kinh doanh của Công ty dưới 1%.

6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và nội lực hiện có của Công ty, năm 2012 Công ty không thể tham gia đấu thầu vì kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 bị thua lỗ. Do vậy năm 2012, Công ty chủ trương thu hẹp, không mở rộng quy mô sản xuất, chỉ tập trung thực hiện hoàn thành các Hợp đồng đã có, trừ trường hợp công trình có nguồn vốn tốt, khả năng thanh toán nhanh do Tổng công ty giao; Tăng cường thu hồi công nợ; Đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đã thi công xong để thu hồi vốn.

Căn cứ vào kết quả rà soát công nợ nội bộ, kiểm kê khối lượng dở dang, Công ty đã chủ động mời cơ quan pháp luật hỗ trợ thu hồi công nợ nội bộ làm minh bạch sổ sách kế toán, loại bỏ các chi phí không phù hợp với khối lượng hoàn thành để giảm thiểu các khoản gây lỗ tiềm ẩn, thu hồi các chi phí không đúng với quy định làm tăng năng lực tài chính cho Công ty.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010, năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012

a. Số liệu hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	691.363.669.962	698.609.261.848	1,05%
2	Doanh thu thuần	292.735.234.089	319.652.932.009	9,20%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	4.164.955.304	-33.078.731.717	-894,22%
4	Lợi nhuận khác	5.798.586.315	1.454.676.179	-74,91%
5	Lợi nhuận trước thuế	9.963.541.619	-31.624.055.538	-417,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	7.506.859.999	-30.960.564.896	-512,43%
7	LNST của cổ đông công ty mẹ	6.653.582.744	-29.231.101.824	-539,33%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,12%	0%	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010 và 2011

b. Số liệu Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	% tăng/giảm	6 tháng đầu 2012
1	Tổng giá trị tài sản	616.404.016.325	591.137.090.673	-4,1%	617.210.821.866
2	Doanh thu thuần	183.892.315.807	202.811.431.318	10,3%	27.593.019.051
3	Lợi nhuận từ HĐKD	380.984.380	-30.970.335.067	-8.229,0%	-12.588.581.551
4	Lợi nhuận khác	5.797.727.444	1.461.163.290	-74,8%	-
5	Lợi nhuận trước thuế	6.178.711.824	-29.509.171.777	-577,6%	-12.588.581.551
6	Lợi nhuận sau thuế	4.665.821.368	-29.509.171.777	-732,5%	-12.588.581.551
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85,73%	-		-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011, và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

Theo Báo cáo kiểm toán tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 số 820/2012/BC.KTTC-AASC.KT2 ngày 18/06/2012 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

1. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ nợ phải thu và nợ phải trả, trong đó chủ yếu bao gồm là các khoản công nợ với các đối tượng, chủ nhiệm công trình đang được trình bày tại các khoản mục: “Tạm ứng” số tiền 82,8 tỷ đồng, “Phải trả người bán” số tiền 201,1 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản nợ phải thu, phải trả này, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản phải thu, phải trả chưa được

đối chiếu cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

2. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đang được trình bày tại khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 380,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, khối lượng dở dang đã đối chiếu theo Báo cáo kiểm kê của Công ty là 278,8 tỷ đồng, số còn lại chưa được kiểm kê, đối chiếu. Do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi có chứng từ phát sinh và được thanh quyết toán khi công trình hoàn thành bàn giao với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình. Mặt khác, nợ phải thu, phải trả với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình đang được trình bày tại khoản mục “Tạm ứng” và “Phải trả người bán” nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận và các công trình vẫn đang trong quá trình thanh quyết toán với chủ đầu tư, chưa có bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) liên quan đến giá trị quyết toán công trình. Điều này dẫn đến việc Công ty có thể phải ghi nhận khoản lỗ trong tương lai hay không, phụ thuộc vào kết quả công tác đối chiếu, xác nhận công nợ với các đội trưởng, chủ nhiệm công trình cũng như giá trị quyết toán được các bên có thẩm quyền phê duyệt.
3. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty là 27,7 tỷ đồng và các vấn đề liên quan đến các khoản nợ phải thu, phải trả và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên, đã dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc và kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục theo giả định về việc tiếp tục được hỗ trợ của các cổ đông. Tại ngày lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng chắc chắn về tình hình hoạt động liên tục của Công ty do các yếu tố đảm bảo về khả năng hoạt động liên tục phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài, không phụ thuộc vào sự kiểm soát của Công ty.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, do ảnh hưởng trọng yếu của những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên nêu trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011”

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Những nhân tố thuận lợi

- Công ty được sử dụng thương hiệu Vinaconex của Công ty mẹ (Vinaconex). Đây là thương hiệu nổi tiếng trên thị trường với tầm nhìn chiến lược, luôn đi đầu trong công nghệ xây dựng và chất lượng sản phẩm. Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex.
- Đội ngũ lãnh đạo Công ty là những cán bộ có trình độ cao cấp về lý luận chính trị, có trình độ quản lý kinh tế, chuyên môn cao, đã từng chỉ đạo, tổ chức thi công nhiều công trình trọng điểm trong và ngoài nước.
- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật là những người có sức khỏe tốt, trình độ chuyên môn, tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu công tác. Cổ đông cá nhân của

Công ty đa số là người lao động trong doanh nghiệp, có quyền và lợi ích gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao vì lợi ích của doanh nghiệp.

- Hệ thống máy móc, thiết bị thi công tiên tiến, hiện đại.

b. Những nhân tố khó khăn

- Về thị trường xây lắp: Chủ yếu Công ty thi công các công trình do Tổng công ty làm chủ đầu tư, tổng thầu và một số công trình có giá trị không lớn tại Hải Dương, Bắc Ninh và Nghệ An.
- Công tác quản lý của Công ty nhiều năm buông lỏng, thiếu kiểm soát dẫn đến tình trạng thua lỗ không nhỏ, khối lượng Xây dựng cơ bản dở dang kiểm tra thiếu chính xác, công nợ phải thu, phải trả đối chiếu chưa đầy đủ dẫn đến Công ty còn tiềm ẩn những khoản gây lỗ cho các năm tài chính tiếp theo.
- Giá cả vật liệu xây dựng trong năm 2011 có nhiều biến động, liên tục tăng giảm thất thường đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách kiểm chế lạm phát của Chính phủ nên dẫn tới việc tiếp cận nguồn tín dụng vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng tới tiến độ cũng như hiệu quả của công trình.
- Chính phủ có chủ trương thắt chặt chi tiêu công, nguồn vốn dành cho xây dựng cơ bản bị cắt giảm nên khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm mới đồng thời cũng gây khó khăn trong công tác thanh quyết toán các công trình có nguồn vốn ngân sách, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền phục vụ thi công, khả năng quay vòng vốn thấp, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11 là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp với tổng tài sản (theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011) là: 698 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu là 98 tỷ đồng, xếp hạng trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành xây dựng. Do đó, Công ty đã và đang phải chịu sự cạnh tranh hết sức khốc liệt từ các công ty khác.

Tuy nhiên, một đặc điểm thuận lợi nổi bật của Công ty đó là bề dày lịch sử hoạt động dưới thương hiệu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) nên Công ty có được sự tin tưởng từ nhiều đối tác và đã giành được nhiều hợp đồng lớn như: Dự án khu đô thị Quốc Oai - Hà Tây; dự án Dự án Khu dân cư số 960 phố Lê Thanh Nghị; Dự án Nhà công vụ Văn phòng Quốc hội...

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nền kinh tế Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, đứng thứ 2 sau Trung Quốc. Là một nước đang phát triển nên nhu cầu xây dựng của Việt Nam là rất lớn. Trong những năm qua, ngành xây dựng luôn có tỷ lệ tăng trưởng cao, đóng góp vào GDP tăng cả về số tuyệt đối và tương đối. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong năm qua luôn đạt khoảng 7%/năm. Đây là điều kiện rất tốt cho ngành công nghiệp xây dựng phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, với dân số khoảng 85,7 triệu người, mật độ dân số khoảng 255 người/km², cơ cấu dân số của Việt Nam thuộc loại trẻ và có tốc độ tăng dân số khá cao dẫn đến nhu cầu về nhà ở cùng các công trình hạ tầng cơ sở tăng rất nhanh. Thêm vào đó Quyết định số 76/2004/QĐ-TTg ngày 06/05/2004 của Chính phủ về việc phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020 nêu rõ: khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nhà ở đô thị theo quy định của pháp luật; phấn đấu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 15 m² sàn vào năm 2010 và 20 m² sàn vào năm 2020, chất lượng nhà ở đô thị đạt tiêu chuẩn quốc gia. Đây chính là cơ hội thuận lợi cho ngành xây dựng nói chung và Vinaconex 11 nói riêng phát triển.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.*

Tình hình kinh tế tài chính trong các năm tới của Việt Nam vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản chưa thể khởi sắc, hầu hết các doanh nghiệp đều phải thực hiện tái cơ cấu để tự bảo vệ mình nhằm vượt qua khó khăn để chờ cơ hội thuận lợi. Chính vì vậy, Công ty đề ra mục tiêu và chiến lược kinh doanh trong những năm tới như sau:

Mục tiêu phát triển của Công ty:

- Tiếp tục duy trì lực lượng thi công xây lắp, khai thác tối đa có thể năng lực thiết bị hiện có, từng bước ổn định tiến tới chuẩn bị nguồn lực để có thể đảm nhận thi công các công trình và dự án như xây dựng các nhà chung cư cao tầng, các công trình thủy lợi, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị. Tập trung xây dựng các công trình dân dụng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp và khu đô thị mới.
- Tiếp tục trung, đại tu để nâng cấp số máy móc thiết bị hiện có để nâng cao năng lực của thiết bị thi công. Tiến hành thanh lý các thiết bị máy móc hỏng hóc, hoạt động không hiệu quả và không phù hợp với định hướng phát triển của Công ty để thu hồi vốn.
- Tập trung thực hiện hoàn thành các hợp đồng, dự án đang thực hiện, các dự án mà Tổng công ty giao. Tăng cường công tác thu hồi nợ, đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đã thi công xong để thu hồi vốn. Thu hồi công nợ nội bộ làm minh bạch sổ sách kế toán, loại bỏ các chi phí không phù hợp với khối lượng hoàn thành để giảm thiểu các khoản gây lỗ tiềm ẩn, tăng cường năng lực tài chính cho Công ty.
- Kiện toàn và sắp xếp lại bộ máy nhân sự các phòng, ban, các đội, ban chỉ huy công trường, chủ nhiệm công trình nhằm phát huy trí tuệ và năng lực của từng người, từng đơn vị. Tăng cường công tác tuyển dụng các kỹ sư kỹ thuật và các công nhân có tay nghề cao phù hợp với yêu cầu công việc.
- Phát huy nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân khác, tăng cường sự đoàn kết trong Cán bộ công nhân viên.

Chiến lược phát triển

- Trở thành nhà thầu đẳng cấp đủ điều kiện và trình độ đấu thầu các gói thầu Quốc tế, xây dựng đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật đủ mạnh để nâng cao tỷ lệ các công trình tổng thầu thiết kế và thi công.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua với mục tiêu chất lượng là “Uy tín - An toàn - Chất lượng - Hiệu quả”.
- Quan tâm chỉ đạo các đoàn thể, tổ chức quần chúng, tạo điều kiện cho các tổ chức phát triển vững mạnh theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Làm tốt công tác xã hội, thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng, xây dựng đơn vị phát triển bền vững

Như vậy, với vị thế của Công ty và triển vọng phát triển của ngành xây dựng, định hướng phát triển chung của Công ty là phù hợp. Mặc dù có những hạn chế nhất định nhưng triển vọng của ngành vẫn khả quan và có những bước phát triển ổn định.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/08/2012 là 747 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	747	100%
1. Trình độ đại học trở lên	93	12,45%
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	35	4,69%
3. Công nhân kỹ thuật	152	20,35%
4. Lao động phổ thông	467	62,51%

Nguồn: Vinaconex 11

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, từ 12h đến 13h đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ và công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo đáp ứng tiến độ thị công, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được công thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 01 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Định kỳ dựa trên nhu cầu lao động, Công ty tiến hành thi tuyển với các tiêu chí đặt ra gồm: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đạt yêu cầu từ khá trở lên.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc của CBCNV. Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tư vấn giám sát, đấu thầu, quản lý dự án, tin học và ngoại ngữ.

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo tại nơi làm việc: hình thức này được áp dụng phổ biến cho công nhân trực tiếp sản xuất. Công nhân mới vào, tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

c. Chính sách lương và thưởng

Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, hàng năm Công ty tiến hành bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng theo các cấp: cấp Công ty - cấp Tổng công ty - Cấp Bộ Xây dựng.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2012 là 3.845.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã thông qua các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh

lời của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết về việc này.

Tình hình chi trả cổ tức tại Vinaconex 11 trong năm 2010-2011 và kế hoạch 2012 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Lợi nhuận sau thuế	7.506.859.999	(29.231.101.824)	(22.336.000.000)
2	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,12%	0%	0%
3	Tỷ lệ cổ tức	8%	0%	0%

Nguồn: Vinaconex 11

Do hiện tại tình hình SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 bị lỗ và dự kiến tiếp tục lỗ trong năm 2012, nên ĐHCĐ của Công ty đã thống nhất không chia cổ tức năm 2011 - 2012.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Máy móc, thiết bị: 3 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 - 5 năm
- Phương tiện vận tải: 3 - 10 năm

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2012 là 3.845.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Do những khó khăn về tài chính nên hiện tại Công ty đã không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tổng có số nợ quá hạn tại các ngân hàng tính đến ngày 30/06/2012 là 93,99 tỷ đồng.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước.

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

- **Số liệu hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Quỹ	31/12/2010	31/12/2011
Quỹ dự phòng tài chính	2.208.162.785	2.335.385.558
Quỹ đầu tư và phát triển	16.083.048.093	16.610.099.404
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	380.529.491	204.941.491
TỔNG CỘNG	18.671.740.369	19.150.426.453

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010 và 2011

- **Số liệu Công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

Quỹ	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Quỹ dự phòng tài chính	2.177.632.356	2.177.632.356	2.177.632.356
Quỹ đầu tư và phát triển	15.915.811.490	15.915.811.490	15.915.811.490
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	380.529.491	164.241.491	158.041.491
TỔNG CỘNG	18.473.973.337	18.257.685.337	18.251.485.337

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

f) **Tổng dư nợ vay**

Tính đến thời điểm 30/06/2012, tổng dư nợ vay của Công ty như sau:

Khoản vay	31/12/2010		31/12/2011		30/06/12	
	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn
Vay ngắn hạn	191.665.898.530	0	131.358.439.193	70.671.659.218	127.712.060.193	86.441.291.975
Vay dài hạn	14.214.490.986	0	6.932.263.866	3.862.594.448	6.932.263.866	7.552.295.796
Tổng cộng	205.880.389.516	0	138.290.703.059	74.534.253.666	134.644.324.059	93.993.587.771

Nguồn: Vinaconex 11

g) *Tình hình công nợ hiện nay*✚ **Các khoản phải thu:**- *Số liệu hợp nhất*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011
Phải thu từ khách hàng	154.197.926.595	136.844.491.568
Trả trước cho người bán	9.524.036.175	6.214.807.980
Phải thu nội bộ	-	88.734.828
Phải thu khác	11.683.277.171	9.369.150.119
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.053.758.061)	(18.088.759.413)
TỔNG CỘNG	167.351.481.880	134.428.425.082

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010 và 2011

- *Số liệu Công ty mẹ*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải thu từ khách hàng	124.212.126.031	97.341.452.619	86.629.667.031
Trả trước cho người bán	8.651.203.913	4.845.389.785	4.845.389.785
Phải thu nội bộ	20.543.961	-	466.217.172
Phải thu khác	11.631.872.173	9.284.191.980	9.887.183.007
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.857.505.006)	(16.758.259.086)	(16.758.259.086)
TỔNG CỘNG	136.658.241.072	94.712.775.298	85.070.197.909

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

✚ **Các khoản phải trả:**- *Số liệu hợp nhất*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011
Nợ ngắn hạn	579.179.606.758	588.571.325.006
1. Vay và nợ ngắn hạn	196.240.774.348	154.336.404.423
2. Phải trả cho người bán	254.036.163.876	263.383.008.703
3. Người mua trả tiền trước	104.954.901.000	128.485.110.650
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	4.814.956.929	6.000.656.528

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011
5. Phải trả người lao động	5.001.793.873	9.169.037.682
6. Chi phí phải trả	1.969.848.203	18.072.185.790
7. Các khoản phải trả nội bộ	224.339.468	2.837.181.778
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.227.285.423	6.082.797.961
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.329.014.147	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	380.529.491	204.941.491
Nợ dài hạn	15.513.022.556	7.797.731.122
1. Vay và nợ dài hạn	14.214.490.986	6.932.263.866
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	613.849.752	613.849.752
3. Dự phòng phải trả dài hạn	-	203.299.322
4. Doanh thu chưa thực hiện	684.681.818	48.318.182
Tổng nợ phải trả	594.692.629.314	596.369.056.128

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010 và 2011

- **Số liệu Công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Nợ ngắn hạn	508.673.903.071	485.825.116.452	524.487.429.196
1. Vay và nợ ngắn hạn	191.665.898.530	131.358.439.193	127.712.060.193
2. Phải trả cho người bán	199.079.305.321	210.249.816.471	224.268.288.522
3. Người mua trả tiền trước	90.438.939.579	107.555.234.624	126.701.137.428
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	2.684.113.930	2.615.826.021	2.423.480.905
5. Phải trả người lao động	4.330.681.873	8.450.302.927	6.252.839.999
6. Chi phí phải trả	1.341.064.507	16.551.489.643	26.777.861.964
7. Các khoản phải trả nội bộ	7.408.621.515	2.925.294.839	3.154.078.591
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.106.982.652	5.954.471.243	7.039.640.103
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.237.765.673	-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	380.529.491	164.241.491	158.041.491
Nợ dài hạn	15.464.704.374	7.546.113.618	7.546.113.618
1. Vay và nợ dài hạn	14.214.490.986	6.932.263.866	6.932.263.866
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	613.849.752	613.849.752	613.849.752
3. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
4. Doanh thu chưa thực hiện	636.363.636	-	-
Tổng nợ phải trả	524.138.607.445	493.371.230.070	532.033.542.814

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm năm 2010, 2011 và BCTC 6 tháng đầu năm 2012

h) Tình hình đầu tư tài chính dài hạn

❖ Đầu tư tài chính dài hạn: 3.963.950.000 đồng, cụ thể như sau:

☞ Đầu tư vào công ty con: **3.963.950.000 đồng**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.1 được thành lập ngày 21/04/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800619222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp ngày 21/04/2009 với vốn điều lệ 9.900.000.000 đồng và Vinaconex 11 đăng ký góp 5.049.000.000 đồng tương ứng với 51%. Tuy nhiên, theo báo cáo tài chính được kiểm toán 2011 của V11, đến ngày 31/12/2011 vốn thực góp của Vinaconex 11 vào Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.1 là 3.963.950.000 đồng, chiếm 40,04% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của V11 tại CTCP Xây dựng Vinaconex số 11.1 là 69%.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,14
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,42
Cơ cấu tài sản - nguồn vốn			
Chỉ số nợ/tổng nguồn vốn	Lần	0,85	0,83
Chỉ số nợ/VCSH	Lần	6,33	6,06
Chỉ số nợ ngắn hạn/tổng nguồn vốn	Lần	0,83	0,82
Chỉ số TS ngắn hạn/Tổng tài sản	Lần	0,93	0,95
Chỉ số năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	1,06	1,83
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,54	0,51
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,30	0,34
Chỉ số khả năng sinh lời			
Chỉ số LNST/DTT	%	2,54	-
Chỉ số LNST/VCSH	%	5,06	-
Chỉ số LNST/TTS	%	0,76	-
Chỉ số LNHKD/DTT	%	0,21	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010, 2011 của Vinaconex 11

*Lợi nhuận sau thuế năm 2011 âm nên không tính các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của năm 2011.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Hoàng Hợp Thương	28/07/1955	011122374	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Vũ Văn Mạnh	06/11/1972	012682568	Thành viên Hội đồng Quản trị
3	Hoàng Trung Kiên	26/12/1976	012614848	Thành viên Hội đồng Quản trị
4	Nguyễn Thành Long	04/10/1970	B2996756	Thành viên Hội đồng Quản trị
5	Đặng Minh Huệ	28/12/1972	012076045	Thành viên Hội đồng Quản trị

Sơ yếu lý lịch**a) Chủ tịch HĐQT - Ông Hoàng Hợp Thương**

- CMND: 011122374
- Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
- Ngày cấp: 09/02/1995
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/7/1955
- Nơi sinh: Bảo Yên – Thanh Thủy – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Yên – Thanh Thủy – Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Trung – Quận Đống Đa – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 22249270
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 12/1972 – 12/1976: Nhập ngũ E 97, F 351 Pháo binh
 - 12/1976 – 6/1979: Học tại Trường Trung học xây dựng số I – Bộ Xây dựng
 - 6/1979 – 3/1984: Kế toán Nhà máy cơ khí xây dựng Đông Anh
 - 3/1984 – 8/1988: Kế toán trưởng Xí nghiệp thi công cơ giới số 10 LICOGI
 - 8/1988 – 5/1990: Kế toán trưởng Công ty dịch vụ xây dựng nước ngoài Vinaconex
 - 6/1990 – 11/1995: Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty Vinaconex
 - 11/1995 – 10/1997: Ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty

- Vinaconex.
- 11/1997 – 4/1998: Ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Ủy viên thường Vụ Đảng uỷ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ Tổng công ty cổ phần Vinaconex
 - 5/1998 – 3/2007: Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Ủy viên thường Vụ Đảng uỷ, Phó Chủ tịch công đoàn Vinaconex
 - 4/2007 – đến nay: Ủy viên Thường vụ, Phó bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn Tổng công ty cổ phần Vinaconex.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng số 11
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Thường vụ, Phó bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn Tổng công ty cổ phần Vinaconex. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn du lịch Suối Mơ.
 - Số cổ phần nắm giữ: 1.700.000 cổ phần
 Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 50 cổ phần
 + Số cổ phần đại diện sở hữu: 1.650.000 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

b) Thành viên HĐQT - Ông Vũ Văn Mạnh

- CMND: 012682568
- Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Ngày cấp: 11/6/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 6/11/1972
- Nơi sinh: Xã Quang Trung – huyện Kinh Môn – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Quang Trung – huyện Kinh Môn – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 71 Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:
 - 01/1995 – 11/2000: Chuyên viên Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ cao – Viễn thông – Tin học
 - 12/2000 – 8/2003: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ và thương mại Ba Đình
 - 9/2003 – 12/2006: Chuyên viên phòng Tài chính Kế hoạch Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
 - 01/2007 – 5/2008: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
 - 6/2008 – 11/2010: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
 - 01/2011 – 5/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả
 - 5/2012 – Nay: Phó giám đốc ban Quản lý và giám sát đầu tư tài chính Tổng công ty VINACONEX.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11
 - Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó giám đốc ban Quản lý và giám sát đầu tư tài chính Tổng công ty VINACONEX
 - Số cổ phần nắm giữ: 400.000 CP
 Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 0 CP
 + Số cổ phần đại diện sở hữu: 400.000 CP
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có
- c) Thành viên HĐQT - Ông Hoàng Trung Kiên**
- CMND: 012614848
 - Nơi cấp: Công an Hà Nội
 - Ngày cấp: 17/8/2003
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 26/12/1976
 - Nơi sinh: Thị xã Thanh Hóa – tỉnh Thanh Hóa
 - Quốc tịch: Việt nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thọ Phú – Triệu Sơn – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Tập thể Bộ Quốc phòng – Ngọc Khánh – Ba Đình – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 62849269
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và Công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 5/2000 – 12/2002: Chuyên viên phòng ĐT&QLDA I – Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, công tác tại Lào
 - 12/2002 – 1/2004: Chuyên viên Ban QLDA 128 - Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, công tác tại Đắk Lắk
 - 1/2004 – 4/2008: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex QT, công tác tại Đắk Lắk
 - 4/2008 – 8/2008: Chuyên viên Ban Xây dựng - Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
 - 8/2008 – 2/2010: Giám đốc Liên danh xây dựng Vinaconex – Posco E&C
 - 2/2010 – đến nay: Phó Giám đốc Ban Xây dựng - Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban Xây dựng - Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 400.000 CP
 Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 0 CP
 + Số cổ phần đại diện sở hữu: 400.000 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

d) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Thành Long

- Hộ chiếu: B2996756
- Nơi cấp: Cục QL xuất nhập cảnh
- Ngày cấp: 17/4/2009
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1970

- Nơi sinh: Vân Từ - Phú Xuyên – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vân Từ - Phú Xuyên – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1606 – 17T4 – Đô thị Trung Hòa Nhân Chính – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.3776 5888
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - 1994 – 1996 : Kỹ sư xây dựng – Liên doanh Vinata
 - 1996 – 1998: Kỹ sư xây dựng – Công ty Christine & Welsel
 - 1998 – 1999: Kỹ sư xây dựng – Công ty TODA Nhật Bản
 - 1999 – 2000: Kỹ sư xây dựng - Trung tâm Đầu tư/Quản lý dự án – Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
 - 2000 – 2003: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 4
 - 2003 – nay: Phó Giám đốc Công ty Vinaconex E&C
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Vinaconex E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.675.000 CP
 - Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 0 CP*
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.675.000 CP*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

e) Thành viên HĐQT – Ông Đặng Minh Huệ

- CMND: 012076045
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày cấp: 23/9/2005
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1972
- Nơi sinh: Cẩm Khê, Phú Thọ

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Văn Khúc, Cẩm Khê, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Số 67, tổ 50 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0984 355 886
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 10/1992 – 12/1998 : Công nhân Công ty Cơ giới Thăng Long (Từ 1994 – 1998 học Tại chức tại trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội)
 - 12/1998 – 6/2001: Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp Xây lắp 9 – Công ty Đầu tư xây lắp thương mại Hà Nội
 - 7/2001 – 12/2004: Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp xây dựng số 1 – Công ty Cổ phần Xây dựng và lắp máy điện nước số 3
 - 01/2005 – 3/2009: Cán bộ Kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
 - 4/2009 – nay : Phó Trưởng phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Trưởng phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
- Số cổ phần nắm giữ: 850.000 CP
 - Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 0 CP*
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu : 850.000 CP*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Đặng Thanh Huân	20/04/1964	012758095	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trịnh Quốc Hiệp	22/10/1982	111539961	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/01/1976	013409817	Thành viên Ban Kiểm soát

Sơ yếu lý lịch

a) **Trưởng Ban kiểm soát - Ông Đặng Thanh Huân**

- CMTND: 012758095
- Nơi cấp: 18/5/2012
- Ngày cấp: CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/4/1964
- Nơi sinh: Tân Việt – Bình Giang – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Việt – Bình Giang – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: C12, Tập thể học viện hành chính quốc gia, Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 62849253
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - 01/1984 – 6/1986 Học viên Trường Kỹ thuật thông tin quân sự
 - 7/1986 – 01/1988 Công tác tại Đặc khu Quảng Ninh- Bộ tham mưu
 - 02/1988 – 9/1989 Công tác tại Quân khu III- Bộ tham mưu
 - 10/1989 – 6/1993 Sinh viên Trường Đại học tài chính kế toán- Hà Nội
 - 9/1993- 5/1995 Công tác tại Công ty kiểm toán Việt Nam- Bộ tài chính
 - 6/1995 – 9/1997 Công tác tại Công ty liên doanh kiểm toán: Deloit Touch Touchmatsu (Hoa Kỳ)- Vietnam Audeting Company
 - 10/1997 – 02/2002 Công tác tại Công ty kiểm toán Việt Nam- Bộ tài chính
 - 3/2002 – 11/2003 Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng công ty VINACONEX
 - 12/2006 – đến nay Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty VINACONEX, Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Vinaconex, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 2, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 3, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 9, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 15, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 25, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex Đà Nẵng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex Quyết thắng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả,

Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và thương mại
Vinaconex- UPGC

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 11.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Vinaconex, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 2, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 3, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 9, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 15, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex 25, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex Đà Nẵng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Vinaconex Quyết thắng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vinaconex- UPGC.
- Số cổ phần nắm giữ: 107.250 Cổ phần
 - Trong đó: +Sở hữu: 7.250 Cổ phần*
 - + Đại diện: 100.000 Cổ phần*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

b) Thành viên Ban kiểm soát – Ông Trịnh Quốc Hiệp

- CMTND: 111539961
- Nơi cấp: Hà Tây
- Ngày cấp: 05/01/2008
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/10/1982
- Nơi sinh: Kiến Hưng – Hà Đông – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiến Hưng – Hà Đông – Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng – Hà Đông – Hà Tây
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 62853101
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - 08/2005 – 10/2005 Cán bộ kỹ thuật – Ban BCHCT, Hồ chứa nước cửa đạt – Công ty

Cổ phần Xây dựng số 11

- 11/2005 – 3/2007 Cán bộ kỹ thuật – Ban BCHCT, San nền nhà máy Xi măng Cẩm Phả – Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
 - 4/2007 – 10/2009 Phó chỉ huy trưởng - Ban BCHCT, San nền nhà máy Xi măng Cẩm Phả – Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
 - 11/2009 – 12/2010 Cán bộ kỹ thuật - Ban BCHCT thi công các hạng mục thuộc dự án phía Tây thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
 - 1/2011 – 5/2011 Chỉ huy trưởng - Ban BCHCT thi công các hạng mục thuộc dự án phía Tây thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
 - 6/2011 – nay Phó trưởng phòng Đấu thầu – Quản lý dự án kiêm Chỉ huy trưởng - Ban BCHCT thi công các hạng mục thuộc dự án phía Tây thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó trưởng phòng Đấu thầu – Quản lý dự án Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 32 Cổ phần
- Trong đó:* +Sở hữu: 32 CP
+ Đại diện: 0 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- c) Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**
- CMND số: 013409817
 - Cấp ngày: 24/5/2011
 - Nơi cấp: Công an Hà Nội
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày sinh: 01/01/1976
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi sinh: Hồng Thuận – Giao Thủy – Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: Số 74 – Tập thể Viện điều tra quy hoạch rừng – Vĩnh Quỳnh – Thanh Trì – Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc: 04.62853101

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Pháp luật kinh tế và quốc tế - Đại học Luật Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/2003 – 12/2010: Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu thương mại Việt Nam – Trảng Tiền Plaza.
 - Từ 1/2011 đến nay: Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Đặng Văn Hiếu	27/05/1971	145265478	Tổng Giám đốc
2	Phạm Văn Tân	12/12/1961	140018505	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Quốc Sơn	08/07/1978	182173418	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Minh Toàn	12/05/1984	162584830	Phụ trách kế toán

Sơ yếu lý lịch

a) Tổng Giám đốc - Ông Đặng Văn Hiếu

- CMND: 145265478
- Nơi cấp: Công an Hưng yên
- Ngày cấp: 15/8/2003
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/5/1971
- Nơi sinh: Thị trấn Bàn Yên Nhân - Mỹ Hào - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Bàn Yên Nhân - Mỹ Hào - Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Bần Yên Nhân - Mỹ Hào - Hưng Yên
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 03203 896 247
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - 10/1994 – 12/1996: Cán bộ kỹ thuật tại Công ty XD Đê Kè Hải Hưng
 - 01/1997 – 12/2000: Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần xây dựng số 11
 - 01/2001 – 11/2003: Đội trưởng đội xây dựng số 1-Công ty CP XD số 11
 - 11/2003 – 12/2005: Chỉ huy phó công trường Nhà máy xi măng Cẩm phả
- Công ty cổ phần xây dựng số 11
 - 01/2006 – 2/2007: Trợ lý Giám đốc, Chỉ huy trưởng công trường
 - 3/2007 – 8/2009: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11
 - 9/2009 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 12.532.000 CP
*Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 12.532.000 CP
+ Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 CP*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

b) Phó Tổng Giám đốc - Ông Phạm Văn Tân

- CMND: 140018505
- Nơi cấp: Công an Hải Dương
- Ngày cấp: 16/01/2009
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/12/1961
- Nơi sinh: Bạch Đằng – Kinh Môn – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bạch Đằng – Kinh Môn – Hải Dương
 - Địa chỉ thường trú: 113 A Quang Trung – TP Hải Dương – Hải Dương
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0320.3860602
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 - Quá trình công tác:
 - 6/1985 – 6/1996: Công nhân công ty xây lắp 5 – Sở XD Hải Hưng
 - 7/1996 – 3/1998: Công nhân công ty xây lắp & SXVLXD số 11
 - 4/1998 – 10/2000: Đội phó đội XD 5 – Công ty xây lắp & SXVLXD số 11
 - 11/2000 – 3/2006: Đội trưởng đội XD 3 – Cty xây lắp & SXVLXD số 11
 - 4/2006 – 3/2009: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11
 - 4/2009 – 8/2009: Phó Giám đốc Công ty CP xây dựng số 11, Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11.1 (Vinaconex 11.1)
 - 9/2009 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xây dựng số 11, Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11.1
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 11.
 - Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc công ty cổ phần xây dựng Vinaconex 11.1
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Trong đó: + Số cổ phần sở hữu : 0 CP

+ Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 CP
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- c) Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Quốc Sơn**
- Số chứng minh thư nhân dân: 182173418
 - Ngày cấp: 25/2/2003
 - Nơi cấp: Nghệ An
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 08/7/1978
 - Nơi sinh: Triệu Sơn – Thanh Hóa

- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghi Diên – Nghi Lộc – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 7,tổ 45, P.Phương Liệt, Thanh Xuân , Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - 10/2001- 6/2003 Cán bộ kỹ thuật – Công ty cổ phần xây dựng số 7
 - 7/2003 – 3/2007 Cán bộ kỹ thuật – Công ty cổ phần xây dựng số 11
 - 3/2007 - 8/2011 Đội phó đội 1- Đội trưởng đội 1 Công ty CP Xây dựng số 11
 - 9/2011 - Nay Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Xây dựng số 11
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP
 - Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: 0 CP*
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 CP*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không có

d) Phụ trách kế toán – Trần Minh Toán

- Số chứng minh thư nhân dân: 162584830
- Ngày cấp: 22/8/2001
- Nơi cấp: Nam Định
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/05/1984
- Nơi sinh: Kim thái – Vụ Bản – Nam Định
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kim thái – Vụ Bản – Nam Định

- Địa chỉ thường trú: Kim thái – Vụ Bản – Nam Định
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2006 đến 2009: Công ty cổ phần cao su Sài Gòn KYM DAN
 - Từ năm 2009 đến nay: Chuyên viên ban tài chính kế hoạch – Tổng công ty Vinaconex
- Chức vụ công tác hiện nay: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên tài chính kế toán – Tổng công ty Vinaconex
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP
 - Trong đó: + Số cổ phần sở hữu 0 CP*
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu 0 CP*
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không
- Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không có

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2010

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	46.455.585.876	18.595.412.148	40,03%
3	Phương tiện vận tải	20.146.411.002	11.636.087.121	57,76%
4	Thiết bị quản lý	368.413.971	61.773.821	16,77%
	Cộng	66.970.410.849	30.293.273.090	

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2011

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	44.111.984.720	14.493.771.885	32,86%

3	Phương tiện vận tải	20.123.492.820	9.855.370.299	48,97%
4	Thiết bị quản lý	345.541.244	12.963.485	3,75%
Cộng		64.581.018.784	24.362.105.669	

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2012.

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	44.111.984.720	11.958.194.160	27,11%
3	Phương tiện vận tải	20.123.492.820	9.799.607.844	48,7%
4	Thiết bị quản lý	345.541.244	4.314.664	1,25%
Cộng		64.581.018.784	21.762.116.668	

Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2012: Không có.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức năm 2012

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	
	Giá trị	Giá trị	Tăng giảm so với 2011
Vốn điều lệ (triệu đồng)	83.998,89	83.998,89	0%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	319.652	300.480	-6%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	(29.231)	(22.336)	-23,59%
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	-30,80%	-26,59%	4,21%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	-9,14%	-7,43%	1,71%
Cổ tức (%)	0%	0%	0%

Nguồn: Vinaconex 11

14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận cổ tức

Theo nhận định của Công ty, tình hình kinh tế tài chính năm 2012 vẫn còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản chưa thể khởi sắc, tình hình lạm phát chưa giảm, các tổ chức tín dụng tiếp tục thắt chặt cho vay do đó việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đối với Công ty rất khó khăn.

Do hậu quả công tác quản lý của Công ty nhiều năm buông lỏng, thiếu kiểm soát dẫn tới tình trạng thua lỗ, tài chính, công nợ, khối lượng dở dang không được kiểm tra, công nợ không được đối chiếu dẫn đến Công ty tiềm ẩn lỗ rất lớn. Dự kiến năm 2012, Công ty tiếp tục lỗ khoảng 19 tỷ.

Về xây lắp, để thực hiện giá trị sản lượng xây lắp dự kiến thực hiện trong năm 2012 là 328 tỷ đồng, ngoài hợp đồng còn lại năm 2011 cần hỗ trợ của Tổng Công ty do Công ty không thể đấu thầu tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo thực hiện kế hoạch năm 2012 và gói đầu sang các năm tiếp theo.

Về sản xuất công nghiệp, do hiện tại công ty không thuê được đất để dựng trạm hơn nữa với năng lực hiện có Công ty nhận thấy trạm bê tông hoạt động không hiệu quả nên sẽ tiến hành thanh lý thu hồi vốn để tập trung nguồn lực cho lĩnh vực khác.

Về công tác đầu tư, năm 2012 Công ty sẽ không đầu tư mở rộng sản xuất mà thu hẹp lĩnh vực hoạt động tập trung chủ yếu vào xây lắp dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật. Công ty tiếp tục trung, đại tu để nâng cấp số máy móc thiết bị hiện có để nâng cao năng lực thiết bị thi công, tiến hành thanh lý các thiết bị máy móc hỏng hóc, hoạt động không hiệu quả và không phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Về dự án Khu nhà ở thấp tầng N3, N4 tại khu đô thị mới Quốc Oai – Hà Nội, hiện tại Công ty đã hoàn thiện pháp lý đến khâu phê duyệt phương án hỗ trợ đền bù tổng thể. Tùy vào tình hình cụ thể mà Công ty quyết định có triển khai tiếp hay không.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng số 11
2. Mã chứng khoán : V11
3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
5. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 8.399.889 cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá

6.1 Giá trị sổ sách của cổ phiếu Vinaconex 11

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 – Hợp nhất (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{93.947.906.743}{5.000.000} = 18.790 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 – Hợp nhất (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{98.456.114.999}{8.399.889} = 11.721 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{85.177.279.052}{8.399.889} = 10.140 \text{ đồng/cp}$$

6.2 Phương pháp tính giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu V11 trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo phương pháp bình quân giá cơ sở của 10 phiên trước ngày hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Lịch sử giao dịch của cổ phiếu V11 như sau:

Ngày giao dịch	Giá cổ phiếu
16/08/12	1.100
15/08/12	1.000
14/08/12	1.000
13/08/12	1.000
10/08/12	1.000
09/08/12	1.100
08/08/12	1.000
07/08/12	1.100
06/08/12	1.200
03/08/12	1.100
Bình quân 10 phiên	1.060

Kết luận: Căn cứ giá giao dịch bình quân 10 phiên trước khi hủy niêm yết, Công ty quyết định giá giao dịch dự kiến của một cổ phiếu V11 là **1.100 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ - TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào công ty cổ phần đại chúng là 49%. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại. Tính đến thời điểm ngày 04/06/2012, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài là 0,76%.

8. Các loại thuế liên quan

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

❖ Thuế giá trị gia tăng

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động của Công ty áp dụng thống nhất là 10%

❖ Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến hoạt động chuyển nhượng chứng khoán

Theo thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân” thì các cổ đông là cá nhân khi chuyển nhượng cổ phần (hoặc quyền mua cổ phần) sẽ phải nộp thuế thu nhập cá nhân bằng 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng. Các cá nhân nếu muốn áp dụng nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo thuế suất 20% thì phải thỏa mãn điều kiện qui định tại khoản 2.2.2, tiết 2.2, điểm 2 Mục II Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC và phải thực hiện đăng ký phương pháp nộp thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú, chậm nhất là 31/12/2009.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

▪ Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 1&3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại : 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

▪ Chi nhánh Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ : Số 141-143 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

▪ Chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ : Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại : 0511 3525 777 Fax: 0511 3525 777

▪ Website : www.shs.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Trụ sở chính : Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại : 04 62853101 Fax: 04 62853100

Website : www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty.
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2010, 2011, Báo cáo tài chính tự lập 6 tháng đầu năm 2012
4. **Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch thành viên chủ chốt

